

Bản án số: 45/2023/HS-ST
Ngày 27 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Thái Dìn;
- Bà Nguyễn Thị Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Cao Duy Phục, Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Dư ơ ng Cơn g T, sinh ngày 19/12/1997, tại xã L, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Dương Công H, sinh năm 1960; con bà Lê Thị L, sinh năm 1962; vợ: Bùi Thị Q sinh năm 1999 (hiện đã bỏ đi không rõ địa chỉ); có 01 người con sinh năm 2018 đang ở cùng ông bà nội.

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 10/4/2018 Dương Công T bị Cơ quan CSĐT Công an huyện B khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngày 16/5/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra Quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can Dương Công T.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/8/2023, đến ngày 08/8/2023. Hiện đang bị tạm giam tại nhà Tạm giữ Công an huyện C, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Đặng Quốc C, sinh năm 1972; nơi cư trú: số nhà B, H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

Người làm chứng:

- Anh **Lê Văn K**, sinh năm 1989; Vắng mặt.
- Anh **Đỗ Trung T1**, sinh năm 1995; Vắng mặt;
- Anh **Dương Công H**, sinh năm 1960; Vắng mặt;
- Chị **Dương Thị T2**, sinh năm 1988; Vắng mặt;
- Anh **Lê Văn M**, sinh năm 1994; Vắng mặt;
- Anh **Lê Văn C1**, sinh năm 1990; Vắng mặt;
- **Đinh Sỹ T3**, sinh năm 1979; Vắng mặt;
- **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1963; Vắng mặt;
- **Nguyễn Văn T4**, sinh năm 1978; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 19/12/2020, **Dương Công T** một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha, màu đen BKS: 36G5-208.30 từ nhà ở **thôn T, xã L, huyện B đến thị trấn P, huyện C** để cầm cố chiếc xe lấy tiền trả nợ do vay qua ứng dụng. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày bị cáo **T** đến cửa hàng cầm đồ Hoa Minh của anh **Lê Văn M**, trú tại **thị trấn P** và cầm cố chiếc xe mô tô được 7.000.000đ. **T** đi bộ đến cửa hàng điện thoại gần đó nhờ chuyển 7.000.000đ vào số tài khoản của bị cáo để trả nợ, rồi đi mua một số đồ ăn vặt, trên đường đi do không còn tiền nên **T** nảy sinh ý định cướp tài sản của lái xe taxi. Khi đi bộ qua cây xăng gần đầu **cầu C** thấy một đoạn dây dài khoảng 50cm, nên nghĩ đến việc dùng đoạn dây siết cổ lái xe taxi để cướp tài sản và nhặt một đoạn dây bỏ vào túi áo khoác, rồi đi bộ dọc theo **đường M** hướng từ trung tâm **thị trấn P, huyện C đi sang huyện T**. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, khi **T** đi bộ qua **cầu C** và nhìn thấy chiếc xe ô tô BKS: 36A-106.48 do anh **Đặng Quốc C** điều khiển đang đi từ đường nhánh lên đường mòn Hồ Chí Minh, nên **T** vẫy tay để gọi xe. Lúc này, anh **C** dừng xe lại và hạ kính xe để nói chuyện, bị cáo **T** hỏi anh **C** “từ đây về **T** bao nhiêu tiền” thì anh **C** hỏi lại “Trung Dương là ở đâu”, **T** nói “Từ đây lên **T** khoảng 20km”. Sau khi thoả thuận anh **C** đồng ý chở bị cáo **T** với số tiền 150.000đ. Sau đó, **T** lên xe ô tô từ cửa sau và ngồi ở vị trí phía sau ghế lái và chỉ dẫn đường cho anh **C**. Khi đi qua **thôn Q, xã C, huyện C**, **T** biết đã qua khu vực đông dân cư nên **T** bảo anh **C** dừng xe lại để đi vệ sinh thì anh **C** dừng xe lại. Ngay lúc đó, **T** lấy đoạn dây từ trong túi áo, hai tay cầm hai bên đầu dây từ phía sau luồn qua cổ anh **C** và kéo mạnh về phía sau. Khi bị siết cổ định lực túi quần áo tìm tài sản. Lúc này, anh **C** dùng hai tay cầm phần áo sau gáy và túm cổ áo của **T** kéo về phía trước, sau đó anh **C** và **T** tiếp tục vật lộn, đánh nhau ở hàng ghế trên và cửa bên ghế phụ phía trước bung ra, anh **C** vật đẩy bị cáo **T** lăn ra ngoài, anh **C** và **T** tiếp tục vật lộn đánh nhau. Lúc này xe ô tô chở gỗ keo do anh **Lê Văn K** chạy hướng từ trên dốc xuống, thấy vậy **T** bỏ chạy vào vườn đồi, rồi **T** đi lên đường nhựa và đi về nhà ngủ. Ngày hôm sau **T** bắt xe đi vào

Thành phố Hồ Chí Minh để làm thuê. Đối với anh **Đặng Quốc C**, sau khi bị thương anh **C** đã nhờ anh **K** chỉ đường quay ra quán của anh **Đỗ Hữu T5**. Sau khi nói chuyện anh **T5** biết sự việc và đã báo đến **Công an xã C**, huyện **C**.

Ngày 06/01/2021 Cơ quan CSĐT **Công an huyện C** đã trưng cầu giám định các mẫu tóc, mẫu máu thu giữ được trên chiếc xe ô tô BKS: 36A-106.48 của anh **Đặng Quốc C**. Ngày 31/01/2021 **Phòng K1 Công an tỉnh T** đã ra kết luận giám định số 665/PC09, kết luận mẫu tóc, mẫu máu gửi giám định là của **Đặng Quốc C** và một người nam giới, lưu kiểu gen (ADN) tại **Phòng K1 Công an tỉnh T**.

Ngày 02/8/2023 Cơ quan CSĐT **Công an huyện C** đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 101/QĐ-CSĐT để giám định gen đối với mẫu tóc của **Dương Công T**. Ngày 07/8/2023 **Phòng K1 Công an tỉnh T** đã ra Kết luận giám định số 2873/KL-KTHS, kết luận: Kiểu gen của **Dương Công T** trùng với kiểu gen của người nam giới được lưu tại **Phòng K1 Công an tỉnh T** tại bản Kết luận giám định số 665/PC09 ngày 31/01/2021.

Tại bản cáo trạng số 47/CT-VKS-SH ngày 06 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy đã truy tố bị cáo **Dương Công T** về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với anh **Lê Văn M** là chủ **cửa hàng D** đã có hành vi “Nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy uỷ quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố” đã vi phạm vào điểm i khoản 3 Điều 12 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Tuy nhiên, đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên không ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh **Lê Văn M** theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 7 đến 8 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu, xử lý vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: **Đề nghị HĐXX tuyên bị cáo phải bồi thường cho người bị hại theo quy định của pháp luật.**

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại anh **Đặng Quốc C** có lời khai phù hợp với bị cáo, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ. Anh trình bày sau khi bị **Dương Công T** sử

dụng đoạn dây (anh nghĩ là dây dù) siết cổ cướp mục đích cướp tài sản của anh, anh đã bị thương và phải đi điều trị từ ngày 19/12/2020 đến ngày 01/01/2021 tại các Bệnh viện: Bệnh viện Đa khoa huyện C; Bệnh viện Đa khoa tỉnh T; Bệnh viện Đa khoa Thành phố T. Anh làm nghề lái taxi, chạy xe gia đình, hôm nào có khách gọi thì chạy, không thì nghỉ, ngày có khách ngày không. Thu nhập của anh một ngày khoảng 2 triệu đồng (tính giá tiền của một chuyến taxi). Quá trình điều tra anh C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 175.000.000đ. Tại phiên tòa anh thay đổi yêu cầu, đề nghị bị cáo bồi thường cho anh số tiền 90.000.000đ gồm: Tiền thuốc bổ não: 30.000.000đ (không có hóa đơn); Tiền điều trị ở Bệnh viện: 10.000.000đ (không có hóa đơn); Tiền thu nhập thực tế bị mất 12 ngày x 2.000.000đ/ngày = 24.000.000đ; Tiền thuê người theo chăm 12 ngày x 500.000đ/ngày = 6.000.000đ; Tiền xe đi cấp cứu và chuyển viện 2.000.000đ; bồi thường tổn thất tinh thần bị mất do hành vi của bị cáo gây ra, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người làm chứng: Lê Văn K, Đỗ Trung T1, Dương Công H, Dương Thị T2, Lê Văn M, Lê Văn C1, Đinh Sỹ T3, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T4 vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai tại cơ quan điều tra, căn cứ khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng Hình sự, HĐXX tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Tại phiên tòa bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, tang vật thu được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 19 tháng 12 năm 2020, tại thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, bị cáo Dương Công T thuê taxi, BKS: 36A-106.48 của anh Đặng Quốc C, sau đó chỉ dẫn nạn nhân đến khu vực vắng vẻ, ít người qua lại, bị cáo sử dụng công cụ, phương tiện là đoạn dây chuẩn bị sẵn để siết cổ anh Đặng Quốc C nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015,

được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng rất xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật. Do đó, cần xử phạt thật nghiêm khắc, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, nhưng về nhân thân, năm 2018 bị cáo đã bị Cơ quan CSĐT Công an huyện B khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích”. Sau đó Cơ quan CSĐT huyện B ra quyết định đình chỉ.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội đầu thú; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, mẹ bị bệnh suy tim, vợ bỏ đi, bị cáo có một con trai 5 tuổi hiện đang ở cùng ông bà nội, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu bồi thường của người bị hại là chính đáng, tuy nhiên có một số yêu cầu vượt quá quy định của pháp luật, một số yêu cầu không có căn cứ chứng minh nên cần phải xem xét lại. Căn cứ vào hành vi phạm tội, mức độ thiệt hại, các khoản chi phí hợp lý và các tài liệu chứng cứ người bị hại cung cấp có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào quy định tại các Điều 584, 585 và 590 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Dương Công T phải bồi thường cho bị hại anh Đỗ Quốc C2 các khoản sau đây:

- Mặc dù anh làm nghề lái taxi nhưng có ngày chạy khách có ngày không. Số tiền anh yêu cầu 2.000.000đ/ngày là giá tiền chạy một chuyến taxi trong ngày bao gồm tiền xăng xe và các khoản chi phí khác, nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó cần áp dụng mức thu nhập bình quân của lao động tự do là 500.000đ/1 ngày x 12 ngày = 6.000.000đ (thu nhập thực tế bị mất);

- Tiền thuê người theo chăm 300.000đ/ ngày x 12 ngày = 3.600.000đ;

- Tiền xe đi cấp cứu và chuyển viện 2.000.000đ;

- Tiền bồi thường tổn thất tinh thần bị mất do hành vi của bị cáo gây ra tương đương 10 tháng lương tối thiểu x 1.800.000đ/tháng = 18.000.000đ.

Tổng các khoản là 27.600.000đ.

Các khoản yêu cầu bồi thường về tiền viện phí, tiền mua thuốc bổ không có hóa đơn chứng từ, không có chỉ định của bác sĩ do đó không có căn cứ đề chấp nhận.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, **Điều 38** Bộ luật hình sự năm 2015. Điều 331, Điều 333; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 584, 585 và Điều 590; 357;468 Bộ luật Dân sự; Điều 7 Nghị quyết số 02/2022,NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố bị cáo **Dương Công T** phạm tội “*Cướp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo **Dương Công T** 07 (Bảy) năm 06 (**S**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 02/8/2023.

2. Về dân sự: Buộc bị cáo **Dương Văn T6** có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 27.600.000đ (Hai mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng). Bồi thường một lần.

Trường hợp bị cáo không tự nguyện thi hành khoản tiền bồi thường. Bị hại có đơn yêu cầu thi hành án thì bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị cáo **Dương Công T** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và **1.380.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Sở Tư pháp;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Dung